TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHÀ BÈ** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **50**/2021/QĐST-HNGĐ	*Nhà Bè, ngày 01 tháng 3 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 561/2020/TLST/HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn D, sinh năm: 1990.

Địa chỉ: ấp M, xã P, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Trần C, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: ấp M, xã P, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117, 118, 119 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 02 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 02 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Nguyễn D và ông Trần C.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn D và ông Trần C cùng thuận tình ly hôn. (Giấy chứng nhận kết hôn số 99, quyển số 01/2009 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/6/2009).

- Về con chung: Có 02 (Hai) con chung chưa trưởng thành tên:

+ Trần Nguyễn N (Nữ), sinh ngày: 12/8/2011.

+ Trần Nguyễn H (Nữ), sinh ngày: 05/11/2015.

Các bên thoả thuận giao cho bà Nguyễn D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Trần Nguyễn N và Trần Nguyễn H. Ông Trần C đồng ý cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ/1 trẻ/1 tháng, bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 03/2021, thực hiện trực tiếp vào ngày 05 hàng tháng cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Bà Nguyễn D có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi khi ông Trần C đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Ông Trần C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở ông thực hiện quyền này. Trường hợp có căn cứ dựa trên cơ sở lợi ích của con khi cần thiết, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84, khoản 2 Điều 86, khoản 2 Điều 116, khoản 2 Điều 119 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con hoặc buộc người không tự nguyện thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, bà Nguyễn D có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Trần C chậm thi hành khoản tiền cấp dưỡng nêu trên thì ông Trần C còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thoả thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: Các đương sự tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Các đương sự xác định không có.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) bà Nguyễn D tự nguyện nộp, được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0073193 ngày 10/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, bà Nguyễn D đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND Tp. HCM;
- VKSND huyện Nhà Bè;
- Chi cục THADS huyện Nhà Bè;
- UBND xã P, huyện Nhà Bè;
- Các đương sự;
- Để thi hành;
- Lưu VP, hồ sơ (…)

THẨM PHÁN

Đinh Hữu Đức